

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 16-01- 2025

V/v kiện ly hôn, tranh chấp tài sản chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung và bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2024/TLPT- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc: “Kiện ly hôn, tranh chấp tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2024/HNGĐ -ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1977.

Nơi thường trú: Thôn TT 2, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 16B CVA, tổ dân phố 2, thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Anh H1, sinh năm 1978.

Nơi thường trú: Thôn TT 2, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn TT1, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức V
- Luật sư văn phòng Luật sư VK, địa chỉ: Số 270 GP, TDP 6, thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; Trụ sở: 442 NTMK, phường A, quận T, thành phố HCM. Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Ngọc H – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ.
Địa chỉ: 762 HV, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1964. Nơi thường trú: Thôn TT1, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hữu X, sinh năm 1979. Nơi thường trú: Thôn TT3, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Ông Huỳnh Đức S, sinh năm 1966. Nơi thường trú: Thôn TT1, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Tôi và ông Lê Anh H1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/01/2013. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Tôi và ông H1 đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Anh H1.

Tôi và ông Lê Anh H1 không có con chung.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân chúng tôi có các tài sản chung là thửa đất số 834, TĐĐ 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 209282 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/11/2017 mang tên ông Lê Anh H1; thửa đất số 136, TĐĐ 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 27/12/2005 mang tên hộ ông Lê V (đăng ký biến động cho ông Lê Anh H1 vào ngày 30/01/2018); 01 Xe máy biển kiểm soát 47M1-380.26, nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu sơn đen, đăng ký xe vào năm 2015.

Hai thửa đất trên và xe máy đều do ông Lê Anh H1 quản lý, sử dụng.

Tôi yêu cầu được quản lý, sử dụng tài sản chung là thửa đất số 136, TĐĐ: 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk và thanh toán lại phần giá trị chênh lệch cho ông Lê Anh H1. Đối với các tài sản còn lại thì tôi đồng ý giao cho ông H1 tiếp tục quản lý, sử dụng.

Vào năm 2021, tôi và ông Lê Anh H1 có vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh huyện KP (gọi tắt là Ngân hàng C) số tiền 200.000.000 đồng, tài sản thế chấp là thửa đất số 834, TĐĐ 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk và thửa đất số 136, TĐĐ 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi vay vợ chồng mâu thuẫn, cá nhân ông H1 đã thanh toán toàn bộ số

nợ trên cho Ngân hàng, nay ông H1 khởi kiện yêu cầu tôi phải thanh toán cho ông H1 $\frac{1}{2}$ số nợ tương đương với số tiền 100.000.000 đồng mà ông H1 đã thanh toán cho Ngân hàng thì tôi đồng ý. Ngoài khoản nợ trên tôi và ông H1 còn mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng C, hạn mức mở thẻ của tôi là 50.000.000 đồng; hàng tháng tôi phải trả cho Ngân hàng 1.300.000 đồng. Tuy nhiên, đến năm 2023 thì do điều kiện khó khăn nên tôi không trả cho Ngân hàng nữa. Ngân hàng cũng đã yêu cầu tôi trả nhiều lần nhưng tôi không có điều kiện thanh toán. Hiện tại tôi vẫn chưa thanh toán khoản nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng.

- *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Anh H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng, tôi thừa nhận đúng như bà Phạm Thị H trình bày. Chúng tôi không có con chung. Hiện bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với tôi thì tôi đồng ý.

Về tài sản chung: Đối với thửa đất số 834, TĐĐ 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 209282 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/11/2017 mang tên ông Lê Anh H1 thì tôi không đồng ý chia. Vì đây là tài sản riêng của tôi hình thành trước thời kỳ hôn nhân.

Đối với thửa đất số 136, TĐĐ 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 547782 cấp ngày 27/12/2005 mang tên hộ ông Lê V (đăng ký biến động cho ông Lê Anh H1 vào ngày 30/01/2018), thời điểm bà H bỏ đi từ tháng 11/2021 đến nay thì tôi là người quản lý, sử dụng thửa đất trên. Nên tôi có nguyện vọng được tiếp tục canh tác thửa đất trên và thanh toán lại giá trị chênh lệch cho bà H.

Đối với xe máy biển kiểm soát 47M1-380.26, nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu sơn đen, đăng ký xe vào năm 2015, tôi đồng ý thanh toán lại cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe với số tiền là 12.500.000 đồng.

Tôi và bà H có vay Ngân hàng C số tiền 200.000.000 đồng, tài sản thế chấp là thửa đất số 834, TĐĐ 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk và thửa đất số 136, TĐĐ 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, sau khi vợ chồng mâu thuẫn tôi đã thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng C, nay tôi khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán cho tôi $\frac{1}{2}$ số nợ tương đương với số tiền 100.000.000 đồng mà cá nhân tôi đã thanh toán cho Ngân hàng. Ngoài khoản nợ trên tôi còn mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng C, hạn mức mở thẻ của tôi là 20.000.000 đồng; hàng tháng tôi phải trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến năm 2023 thì do điều kiện khó khăn nên tôi không trả cho Ngân hàng nữa. Ngân hàng cũng đã yêu cầu tôi trả nhiều lần nhưng tôi không có điều kiện thanh toán. Hiện tại tôi vẫn chưa thanh toán khoản nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng.

- *Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần CB (Ngân hàng C) trình bày:*

Ngày 03/4/2018, ông Lê Anh H1 và bà Phạm Thị H ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng C để vay số tiền 380.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là thửa đất số 834, TBD 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 209282 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/11/2017 mang tên ông Lê Anh H1 và thửa đất số 136, TBD 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 547782 cấp ngày 27/12/2005 mang tên hộ ông Lê V (đăng ký biến động cho ông Lê Anh H1 vào ngày 30/01/2018) theo Hợp đồng thế chấp số KRP.BĐCN.460.020418 ngày 03/4/2018. Sau khi tất toán xong khoản vay thì ông A, bà H có vay lại nhiều lần.

Ngày 09/10/2019, ông A, bà H có giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Ngân hàng C đã cấp thẻ tín dụng số thẻ 970416*****7643 cho bà Phạm Thị H, hạn mức 50.000.000 đồng; cấp thẻ tín dụng số thẻ 970416*****3440 cho ông Lê Anh H1, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng.

Ngày 18/10/2021, ông Lê Anh H1 và bà Phạm Thị H tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số KRP.CN.3563.181021 với Ngân hàng C để vay số tiền 200.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là hai quyền sử dụng đất trên. Đối với khoản vay này thì ông H1, bà H đã tất toán xong cho Ngân hàng.

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất hai bên thỏa thuận nghĩa vụ được bảo đảm của tài sản thế chấp bao gồm: Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng, kể cả trường hợp phát sinh sau thời điểm ký hợp đồng này và các thỏa thuận kèm theo cam kết bảo lãnh, tất cả các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, phụ lục hợp đồng cấp tín dụng, kế ước nhận nợ, các cam kết của bên được cấp tín dụng khi được cấp tín dụng dưới hình thức khác như chiết khấu, cấp thẻ tín dụng... Tính đến ngày 05/6/2024, dư nợ thẻ tín dụng của ông Lê Anh H1 là 19.746.983 đồng; dư nợ thẻ tín dụng của bà Phạm Thị H là 37.066.832 đồng. Hiện ông H1, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với việc cấp thẻ tín dụng. Do đó, để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông H1 và bà H cho Ngân hàng nên Ngân hàng còn giữ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 209282 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 547782 của ông H1 và bà H.

Ngân hàng C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc chia các tài sản chung là tài sản đang thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng. Đối với quan hệ tín dụng, quan hệ thế chấp giữa bà Phạm Thị H, ông Lê Anh H1 và Ngân hàng C thì Ngân hàng C sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

- **Người làm chứng ông Trần Ngọc T trình bày:** Tôi chuyển nhượng cho ông Lê Anh H1 thửa đất số 834, TBD 13, diện tích 407m², tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk vào tháng 3/2012, tại thời điểm nhận chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay và có xác nhận của ban tự quản thôn là ông Huỳnh Đức S, thời

điểm tôi chuyển nhượng đất cho ông H1 thì tôi đang thế chấp quyền sử dụng đất trên tại Ngân hàng nên tôi không thể làm thủ tục chuyển nhượng cho ông H1 theo đúng quy định của pháp luật. Giá chuyển nhượng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), ông H1 đã giao đủ số tiền trên cho tôi vào năm 2012. Đến năm 2017, tôi mới tắt toán xong nợ Ngân hàng, xóa thế chấp và làm thủ tục sang tên cho ông H1. Cũng trong năm 2012, ông H1 xây dựng nhà trên đất, tôi nhớ đến khoảng cuối năm 2012 thì ông H1 mới xây nhà xong.

- Người làm chứng ông Nguyễn Hữu X trình bày: Vào ngày 4/11/2012 (âm lịch) tôi có nhận thầu xây dựng căn nhà cấp 4 cho ông Lê Anh H1 tại thôn TT1, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Căn nhà gần 90m² nên chỉ xây dựng trong vòng hơn một tháng, đến 15/12/2012 (âm lịch) thì tôi bàn giao nhà cho ông H1.

Do là người cùng thôn và nhà nhỏ nên khi ông H1 có nhu cầu làm nhà, hai bên thỏa thuận công cán phù hợp thì tôi nhận làm, hai bên không lập hợp đồng. Sau khi hoàn thành tôi đã bàn giao nhà cho ông H1 và hai bên cũng không có tranh chấp gì, ông H1 là người trực tiếp thanh toán tiền công xây dựng cho tôi. Tại thời điểm xây dựng nhà cho ông H1 thì tôi không biết bà Phạm Thị H. Sau khi bàn giao nhà cho ông H1 một thời gian thì tôi thấy bà Phạm Thị H có về ở chung với ông H1, do người cùng thôn nên tôi thấy ông H1 và bà H có ở chung chứ không biết hai người có đăng ký kết hôn không. Sự việc tôi nhận xây nhà cho ông H1 thì tôi đã khai rõ, ngoài ra không khai gì thêm. Đồng thời, tôi làm thầu xây nhà nên không có thời gian tham gia tố tụng tại Tòa án, do đó tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

- Người làm chứng ông Huỳnh Đức S trình bày: Tôi và ông Lê Anh H1 là người cùng thôn, không có quan hệ họ hàng. Tôi làm Trưởng thôn TT1, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2007 đến năm 2022 tôi mới nghỉ. Khoảng đầu năm 2012, ông Lê Anh H1 có nhờ tôi xác nhận vào giấy sang nhượng thửa đất của ông Trần Ngọc T tại thôn TT1, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng cuối năm 2012, thì ông Lê Anh H1 có xây dựng nhà cấp 4 tại thôn TT1, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi ông H1 xây dựng nhà xong thì tôi thấy bà Phạm Thị H về thôn TT1, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk sinh sống cùng với ông Lê Anh H1 nhưng cũng không báo chính quyền địa phương, không đăng ký tạm trú tại địa phương. Sau năm 2022 tôi không làm thôn trưởng nữa thì tôi cũng không biết bà H có đăng ký tạm trú hay chuyển đi nơi khác hay không.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 56/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 44, Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.
- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Lê Anh H1.

- Về yêu cầu chia tài sản chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Ông Lê Anh H1 được quyền sở hữu 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 47M1-380.26, nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu sơn đen, theo giấy đăng ký xe số 009184 ngày 09/9/2015.

Ông Lê Anh H1 chấp nhận trả cho bà Phạm Thị H số tiền 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với các tài sản là thửa đất số 834, TĐĐ 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 209282 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/11/2017 mang tên ông Lê Anh H1 và thửa đất số 136, TĐĐ 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 547782 cấp ngày 27/12/2005 mang tên hộ ông Lê V (đăng ký biến động cho ông Lê Anh H1 vào ngày 30/01/2018). Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Anh H1.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Bà Phạm Thị H chấp nhận trả cho ông Lê Anh H1 số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2024 nguyên đơn bà Phạm Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tiến hành phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng theo quy định.

Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án đối với chia tài sản chung là thửa đất 834 và thửa đất 136, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Đối với 01 chiếc xe máy thì ông H1 chấp nhận thanh toán cho bà H 12.500.000 đồng và ông H1 quản lý sử dụng chiếc xe; Về số nợ, ông H1 đã thanh toán xong cho Ngân hàng và bà H đồng ý thanh toán lại cho ông H1 số tiền 100.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

Đối với thửa đất số 834: Về nguồn gốc đất do ông H1 tạo lập trước thời kỳ hôn nhân vào tháng 03/2012, tài sản là nhà trên đất cũng do ông H1 tự xây dựng cùng năm 2012, đến năm 2013 hai người mới đăng ký kết hôn; Thời điểm chung sống là sau khi ông H1 xây dựng nhà xong; bà H khai có đóng góp 80.000.000 đồng mua đất nhưng không được ông H1 thừa nhận; bà H không có giấy tờ gì chứng minh cho lời khai của mình là có cơ sở; người làm chứng cũng khai đất và nhà là do ông H1 tự mua tự xây dựng. Mặt khác, tại thời điểm sang tên năm 2017, ông H1 có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cho bà H giữ, từ đó đến lúc ly thân, bà H không có ý kiến gì đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Đồng thời, bà H không có công sức đóng góp gì. Do đó, thửa đất số 834 là tài sản riêng của ông H1 trước hôn nhân nên ông H1 không đồng ý chia là có cơ sở.

Đối với thửa đất 136: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H1 đồng ý chia giá trị đất và hai bên đều thừa nhận từ khi ly thân tháng 11/2021 đến nay, ông H1 là người quản lý, sử dụng có chăm sóc và trồng mới một số loại cây trồng, không có công sức đóng góp của bà H nên yêu cầu của ông H1 về việc tiếp tục được quản lý, sử dụng thửa đất này và thanh toán tiền chênh lệch cho bà H là hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên, phần tài sản trên thửa đất này đề nghị HĐXX xem xét chia công sức đóng góp cho ông H1 nhiều hơn vì ông H1 là người quản lý, chăm sóc cây trồng trên đất và không tính những cây trồng do ông H1 trồng sau ngày 26/11/2021 (thời điểm ly thân) để chia cho bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H - Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 56/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về chia tài sản chung đối với thửa đất số 834, TĐĐ 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 209282 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/11/2017 mang tên ông Lê Anh H1 và thửa đất số 136, TĐĐ 17, địa chỉ tại xã EY, huyện

KP, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 547782 cấp ngày 27/12/2005 mang tên hộ ông Lê V (đăng ký biến động cho ông Lê Anh H1 vào ngày 30/01/2018), chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung :

Xét nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định tài sản chung của vợ chồng bao gồm: Thửa đất số 834, TĐĐ 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 209282 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/11/2017 mang tên ông Lê Anh H1 và thửa đất số 136, TĐĐ 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 547782 cấp ngày 27/12/2005 mang tên hộ ông Lê V (đăng ký biến động cho ông Lê Anh H1 vào ngày 30/01/2018); 01 xe máy biển kiểm soát 47M1-380.26; nhãn hiệu HONDA; loại xe SH MODE; màu sơn đen; theo giấy đăng ký xe số 009184 ngày 09/9/2015. Ông H1 xác định thửa đất số 834, TĐĐ 13 là tài riêng của ông hình thành trước thời kỳ hôn nhân, chỉ có thửa đất số 136, TĐĐ 17 và 01 xe máy là tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Vào năm 2021 ông H1, bà H có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch huyện KP số tiền 200.000.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng bà H còn mở thẻ tín dụng với hạn mức mở thẻ tín dụng của bà H là 50.000.000 đồng, của ông H1 là 20.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là thửa đất số 834, TĐĐ 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk và thửa đất số 136, TĐĐ 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay ông H1 đã thanh toán toàn bộ số tiền vay cho Ngân hàng, còn lại các khoản nợ thẻ tín dụng chưa thanh toán.

Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện giao cho ông Lê Anh H1 được quyền sở hữu 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 47M1-380.26, nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu sơn đen, theo giấy đăng ký xe số 009184 ngày 09/9/2015, ông Lê Anh H1 chấp nhận trả cho bà Phạm Thị H số tiền 12.500.000 đồng; bà Phạm Thị H chấp nhận trả cho ông Lê Anh H1 số tiền 100.000.000 đồng tương đương $\frac{1}{2}$ khoản nợ vay của ngân hàng, các đương

sự không có kháng cáo nên không xem xét.

[2.2] Đối với thửa đất số 834 và thửa đất số 136 do các đương sự chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên bản án sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về chia tài sản chung đối với các quyền sử dụng đất trên. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bà H tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch huyện Krông Pắc, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nhất trí sau khi bà H thanh toán toàn bộ số nợ thẻ tín dụng sẽ giao trả lại GCNQSD cho khách hàng. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm chưa giải quyết phần tài sản chung của ông H1, bà H và xác định nghĩa vụ thanh toán của người có nghĩa vụ nên cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị H hủy một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung đối với yêu cầu phân chia tài sản chung là thửa đất số 834, TĐĐ 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk và thửa đất số 136, TĐĐ 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng đối với yêu cầu chia tài sản chung sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm : Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H - Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 56/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về chia tài sản chung đối với thửa đất số 834, TĐĐ 13, tại xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 209282 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/11/2017 mang tên ông Lê Anh H1 và thửa đất số 136, TĐĐ 17, địa chỉ tại xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 547782 cấp ngày 27/12/2005 mang tên hộ ông Lê V (đăng ký biến động cho ông Lê Anh H1 vào ngày 30/01/2018), chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[2] Về án phí và chi phí tố tụng chia tài sản chung: Sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0006025 ngày 12/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện KP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng